

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ c Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày: 15/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ c, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Ông Đặng Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố c, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố c, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố c - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HS ngày 04 tháng 04 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn H - sinh ngày 10 tháng 6 năm 1991, tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: **Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**, nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn M** và bà **Trần Thị H1**; vợ: **Trần Thị L**, sinh năm: 1994, có 03 người con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: **Trương Văn Đ**, sinh năm: 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa**. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Huỳnh Mộng T**, sinh

năm: 1972. Nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.**
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn H và **Trương Văn Đ** là bạn bè, cùng làm thuê tại **tổ dân phố T, phường C, thành phố C.**

Ngày 28/02/2023, **H** mượn xe mô tô 78D1-177.57 của **Đen** để đi khám bệnh ở **thành phố N** và về quê tại Phú Yên, hẹn 03 đến 04 ngày sau sẽ trả. **Đen** đồng ý.

Đến ngày 04/3/2023, **H** điều khiển xe mô tô 78D1-177.57 trở lại **thành phố C.** Lúc này, **H** nảy sinh ý định cầm thế xe mô tô 78D1-177.57 lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 14 giờ cùng ngày, **H** đến **tiệm C ở số C đường P thuộc tổ dân phố L, phường C, thành Phố C, tỉnh Khánh Hòa** cầm thế xe mô tô 78D1-177.57 cho chị **Huỳnh Mộng T** với số tiền 13.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 650.000 đồng. **H** đã tiêu xài hết tiền cầm thế xe mô tô. Sau đó, anh **Đ** đã nhiều lần yêu cầu **H** trả xe mô tô nhưng **H** không trả và bỏ trốn về Phú Yên.

Sau khi anh **Đ** trình báo Công an thì đến cuối tháng 7/2023, **H** đưa 15.000.000 đồng cho anh **Đ** để chuộc lấy xe mô tô 78D1-177.57.

Tại kết luận định giá tài sản số 131/KL-HDDGTS ngày 25/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố C**, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 phân khối, màu xanh - đen, số máy: G3D4E212570, số khung: 0610GY199705, biển số 78D1-177.57 trị giá 30.600.000 đồng.

- Vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô 78D1-177.57 đã trả cho chủ sở hữu là anh **Trương Văn Đ.**

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh **Trương Văn Đ**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là **Huỳnh Mộng T** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

- Đối với việc **Huỳnh Mộng T** có hành vi nhận cầm thế xe mô tô 78D1-177.57 của **Võ Văn H** nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSCR ngày 16 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố c - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố để xét xử **Võ Văn H** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn H** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, tuyên phạt bị cáo tù 06 đến 09 tháng tù.

- Vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô 78D1-177.57 đã trả cho chủ sở hữu là anh **Trương Văn Đ**.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh **Trương Văn Đ**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là **Huỳnh Mộng T** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Đề nghị Tòa không xem xét.

- Bị cáo **Võ Văn H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra **Công an thành phố C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **thành phố C**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội có diễn biến như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định:

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2023, bị cáo **Võ Văn H** đã có hành vi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 phân khối, màu xanh - đen, số máy: G3D4E212570, số khung: 0610GY199705, biển số 78D1-177.57, trị giá 30.600.000 đồng của anh **Trương Văn Đ**. Sau đó với mục đích để chiếm đoạt tài sản, bị cáo **H** đã cầm thế xe mô tô trên với số tiền 13.000.000 đồng. Hành vi của **Võ Văn H** đủ cơ sở cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát **thành phố C** đối với bị cáo **Võ Văn H** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, xã hội ở địa phương. Cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì các lý do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô 78D1-177.57 đã trả cho chủ sở hữu là anh **Trương Văn Đ**.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

[7] Về án phí: Bị cáo **Võ Văn H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Văn H** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn H** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí:

Bị cáo **Võ Văn H** phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố c;
- Công an thành phố c ;
- Chi cục THA dân sự TP.c;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Nga

